

Bản án số: 11/2017/LĐ-PT

Ngày: 09 - 11 - 2017

V/v tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng.

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Minh Tấn

Bà Bùi Thị Phương Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLPT-LĐ ngày 17/8/2017 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 26/2017/LĐ-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân tpcm bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần V M – sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: K4, p6, tpcm, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ N L - Văn phòng luật sư Luật T N thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Cty CP CNCM

Địa chỉ: Số 204, QT, p5, tpcm, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Ngô H V – sinh năm 1972 - Nhân viên phòng hành chính (theo văn bản ủy quyền số: 26/GUQ-CNCM ngày 14/3/2017) (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Trần V M – Nguyên đơn.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân tpcm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần V M trình bày: Ông ký hợp đồng lao động với Cty TNHH MTV CTN và CTĐTCM, nay là Cty CP CNCM (gọi tắt là Công ty) vào ngày 09/9/2005, chức vụ khi hợp đồng là công nhân, thời hạn hợp đồng là 01 năm, sau đó không ký thêm hợp đồng lao động nào khác và anh vẫn làm việc đến ngày 17/9/2015. Ngày 11/9/2015, Công ty TNHH MTV CTN và CTĐTCM ban hành

Quyết định số 310/QĐ-CTN về việc chấm dứt hợp đồng lao động và triển khai quyết định ngày 17/9/2015. Theo đó, Công ty chấm dứt hợp đồng lao động cho anh nghỉ việc hưởng theo chế độ và chốt sổ bảo hiểm xã hội đến ngày 31/8/2015. Tiền lương ông đang hưởng trước khi nghỉ việc là 4.345.000 đồng/tháng.

Việc Công ty cho ông nghỉ việc không tổ chức Đại hội Công nhân viên chức và không báo trước cho ông là không đúng theo quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của ông. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số: 310/QĐ-CTN ngày 11/9/2015 và buộc Công ty nhận ông trở lại làm việc;

- Truy trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tạm tính từ ngày 18/9/2015 đến ngày 14/7/2017 là 22 tháng x 4.345.000 đồng = 95.590.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 02 tháng x 4.345.000 đồng = 8.690.000 đồng.

- Buộc Công ty tiếp tục trả lương từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày Công ty nhận anh trở lại làm việc;

- Bồi thường tổn thất tinh thần bằng 31.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông yêu cầu Công ty bồi thường cho ông là 135.280.000 đồng.

- Truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 9/2015 đến nay.

Ông Ngô H V đại diện Cty CP CNCM trình bày: Cty CP CNCM hiện nay được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV CTN và CTĐTCM. Công ty thừa nhận giữa Công ty và ông Trần V M có ký hợp đồng lao động thời hạn một năm, sau đó chuyển sang hợp đồng không xác định thời hạn.

Ngày 21 tháng 8 năm 2012, UB CM ban hành Quyết định số 1201/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa bộ phận Công ty TNHH MTV CTN và CTĐTCM. Trên cơ sở đó, Công ty TNHH MTV CTN và CTĐTCM đã xây dựng Phương án sắp xếp lao động dôi dư theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 28/8/2010 để chuyển đổi Công ty TNHH 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

Do đặc thù của hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty nên Ban lãnh đạo Công ty đã chọn phương án triển khai và chỉ đạo cho các bộ phận trực thuộc Công ty triển khai cho tập thể lao động của các bộ phận này họp và tự quyết trong việc sắp xếp, tinh gọn lại bộ máy làm việc, trong đó có tự quyết về vấn đề số lao động đáp ứng nhu cầu công việc, số lao động dôi dư, số lao động xin nghỉ việc.

Phương án sắp xếp lao động dôi dư cũng được trình qua Sở LĐTB và XH thẩm định, được UB CM phê duyệt tại Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 26/8/2015.

Công ty không có tổ chức Đại hội công nhân viên chức hoặc Đại hội công đoàn cơ sở do tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và chủ trương tiến hành cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh rất gấp, xí nghiệp xây lắp giải thể toàn bộ nên nhân viên của các đội thuộc xí nghiệp cũng được cho thôi việc toàn bộ.

Sau khi nhận quyết định thì ông M đã nhận tiền trợ cấp của Công ty đầy đủ.

Nay Cty CP CNCM không đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông M.

Từ nội dung trên, bản án lao động sơ thẩm số: 26/2017/LĐ-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân tp cm quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần V M đối với Công ty TNHH MTV CTN và CTĐTCM (Nay là Cty CP CNCM).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/7/2017 nguyên đơn ông Trần V M có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Ngày 09/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân tpcm có quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-LĐ với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông M rút một phần yêu cầu về tổn thất tinh thần, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút một phần kháng nghị về yêu cầu buộc Công ty nhận ông M trở lại làm việc, các phần khác của kháng cáo và kháng nghị vẫn giữ nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M, sửa bản án sơ thẩm. Đồng thời yêu cầu không bồi trừ số tiền chế độ mà nguyên đơn đã nhận trước đó.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định và đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông M và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tpcm, sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tpcm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần V M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tpcm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Về căn cứ và lý do chấm dứt hợp đồng lao động : Căn cứ vào quy định tại Nghị định số 91/2010/NĐ-CP và Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH thì việc Công ty Cấp nước và Công trình đô thị Cà Mau cho ông M - người lao động dôi dư nghỉ việc là có đủ cơ sở pháp lý. Việc sắp xếp lại lao động và giải quyết cho người lao động dôi dư nghỉ việc là có diễn ra trên thực tế và dựa trên cơ sở sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (viết tắt DNNN) theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Quyết định cổ phần hóa Doanh nghiệp; đồng thời Công ty cũng đã giải quyết chính sách theo đúng quy định của pháp luật là trả trợ cấp mất việc làm và giải quyết chế độ BHXH cho ông M.

Tuy nhiên xét về trình tự, thủ tục xây dựng phương án lao động của Công ty để làm căn cứ chấm dứt hợp đồng đã có vi phạm, cụ thể như sau: Công ty không phối hợp với tổ chức Công đoàn để tổ chức Đại hội công nhân viên chức hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức để Đại hội cho ý kiến về danh sách lao động . Công ty lấy lý do doanh nghiệp có nhiều người lao động (viết tắt NLĐ) nên không thể tổ chức đại hội là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định của Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH nêu trên, thì Công ty có thể tổ chức đại hội Đại biểu .

Vi phạm của Công ty là nghiêm trọng vì đây là DNNN, hầu hết NLĐ đã có thời gian làm việc lâu dài, có đóng góp cho DNNN. Do đó, việc sắp xếp lại lao động đòi hỏi phải công khai, minh bạch. Việc xác định số lượng lao động dôi dư và NLĐ nào thuộc diện dôi dư phải nghỉ việc phải được đưa ra đại hội để tập thể NLĐ xem xét. Công ty không tổ chức Đại hội, để đại hội xem xét, cho ý kiến về danh sách lao động và Công ty cũng không phối hợp, không trao đổi thống nhất với Công đoàn để xác định có bao nhiêu NLĐ dôi dư và NLĐ nào thuộc diện dôi dư phải nghỉ việc. Vì vậy, vi phạm nêu trên đủ cơ sở để Tòa án phải hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty với ông M.

[2] Do chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 310/QĐ-CTN nên Công ty phải có trách nhiệm vật chất đối với ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, cụ thể Công ty phải trả cho ông M các khoản sau đây:

- Buộc Công ty bồi thường cho ông M bằng 02 tháng tiền lương (theo mức lương bình quân 06 tháng liền kề tại thời điểm nghỉ việc là 4.345.000 đồng/tháng x 02 tháng = 8.690.000 đồng).

- Buộc Công ty phải thanh toán tiền lương cho ông M từ tháng 01/9/2015 đến ngày xử phúc thẩm (ngày 09/11/2017) là 25 tháng 21 x 4.345.000 đồng = 112.134.000 đồng.

- Công ty phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm cho ông M từ tháng 9/2015 đến ngày xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Như vậy, tổng cộng các khoản ông M yêu cầu được chấp nhận buộc Công ty phải trả cho anh là 120.824.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút kháng cáo về việc yêu cầu Công ty bồi thường tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương bằng số tiền 31.000.000 đồng; Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút một phần kháng nghị về việc buộc Công ty nhận ông M trở lại làm việc. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo này của ông M và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tpcm theo quy định tại Điều 295 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty và yêu cầu được hưởng nguyên số tiền trợ cấp mất việc làm đã nhận. Xét thấy, yêu cầu được hưởng nguyên số tiền trợ cấp mất việc làm của ông M được Công ty chi trả là phù hợp với Điều 49 Bộ luật Lao động nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đối trừ vào số tiền lương buộc Công ty phải trả cho ông M, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông M về việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông M với Công ty.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm, ông M không phải chịu, Công ty phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 295, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 22, 44, 45, 46 của Bộ luật Lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M.

Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 09/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tpcm.

Sửa bản án lao động sơ thẩm số: 26/2017/LĐ-ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân tpcm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần V M về việc:

- Hủy Quyết định số 310/QĐ-CTN ngày 11/9/2015 của Cty TNHH MTV CTN và CTĐTCM (nay là Cty CP CNCM) về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Trần Văn M.

- Buộc Công ty phải thanh toán cho ông Trần V M tổng số tiền là 120.824.000 đồng.

- Công ty phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm cho ông M từ tháng 9/2015 đến ngày xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tpcm về việc buộc Công ty nhận ông M trở lại làm việc. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần V M về việc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty. Hợp đồng lao động số A200 ngày 09/9/2005 giữa ông M và Công ty chấm dứt kể từ ngày 09/11/2017.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần V M về việc buộc Công ty phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương với số tiền là 31.000.000 đồng.

4. Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm:

- Ông Trần V M không phải nộp.

- Cty CP CNCM phải nộp án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch là 3.624.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân tpcm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS tpcm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Châu Minh Hoàng